

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG

Trách nhiệm bồi thường của Viện kiểm sát do phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ được quy định tại Khoản 1 Điều 31, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước về trong hoạt động tố tụng hình sự thì Viện Kiểm sát có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp đã phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ của cơ quan điều tra có thẩm quyền nhưng người bị tạm giữ không có hành vi vi phạm pháp luật.

Thời hạn tạm giữ không được quá ba ngày, kể từ khi Cơ quan điều tra nhận người bị bắt. Trong trường hợp cần thiết người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ, nhưng không quá ba ngày. Trong trường hợp đặc biệt, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ lần thứ hai nhưng không quá ba ngày. Mọi trường hợp gia hạn tạm giữ đều phải được Viện Kiểm sát cùng cấp phê chuẩn; trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị gia hạn và tài liệu liên quan đến việc gia hạn tạm giữ, Viện Kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 118, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Như vậy, nếu Viện Kiểm sát đã phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ của Cơ quan điều tra nhưng người bị tạm giữ không có hành vi vi phạm pháp luật thì Viện Kiểm sát phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự theo khoản Điều 31 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Theo khoản 2 Điều 31, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Viện Kiểm sát có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do phê chuẩn lệnh tạm giam trong trường hợp “đã phê chuẩn lệnh tạm giam của cơ quan điều tra mà sau đó có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội”. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp có quyền ra lệnh tạm giam. Lệnh tạm giam của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp phải được Viện Kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành. Nếu lệnh tạm giam của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp chưa được hoặc không được Viện Kiểm sát cùng cấp phê chuẩn thì không có giá trị thi hành. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được lệnh tạm giam, đề nghị xét phê chuẩn và hồ sơ, tài liệu liên

quan đến việc tạm giam, Viện Kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Viện Kiểm sát phải hoàn trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra ngay sau khi kết thúc việc xét phê chuẩn (khoản 3 Điều 118, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015). Do vậy, quy định Viện Kiểm sát có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp đã phê chuẩn lệnh tạm giam của cơ quan điều tra mà sau đó có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội là quy định hợp lý, quy định này đã gắn trách nhiệm của Viện Kiểm sát trong việc phê chuẩn lệnh tạm giam của cơ quan điều tra. Như vậy, bên cạnh việc kế thừa một số căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 như: Căn cứ bỏ trốn, hay tiếp tục phạm tội, khoản 2 Điều 172 đã bổ sung thêm căn cứ “có dấu hiệu bỏ trốn”, hoặc “có dấu hiệu tiếp tục phạm tội” (điểm c, d); đồng thời thay thế các căn cứ chung chung bằng căn cứ cụ thể tại các điểm a, b, đ. (Điều 112, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 cũ).

Ví dụ thứ nhất: Ngày 28-12-2008, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước bắt khẩn cấp đối với anh Thương. Ngày 6-1-2009, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước khởi tố vụ án, khởi tố, tạm giam bị can đối với anh Thương về tội “Cướp tài sản” và tội “Cướp giật tài sản” theo Điều 133 và Điều 136, Bộ luật hình sự. Ngày 12-10-2010, Cơ quan điều tra kết luận điều tra bổ sung, chuyển hồ sơ vụ án đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú truy tố anh Thương về hai tội danh nêu trên. Ngày 29-12-2010, anh Thương được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam. Ngày 1-8-2011,

Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ra quyết định đình chỉ vụ án hình sự đối với bị can Thương vì không đủ chứng cứ chứng minh hành vi của anh Thương cấu thành tội “Cướp tài sản” và “Cướp giật tài sản” theo Điều 133 và Điều 136, Bộ luật hình sự. Sau đó, anh Thương đã khởi kiện yêu cầu Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước bồi thường thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự và các bên đã đạt được thỏa thuận, ở đây, anh Thương bị cơ quan cảnh sát điều tra mà cụ thể là Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Phú bắt khẩn cấp, khởi tố bị can, ra lệnh tạm giam, rồi đến Viện Kiểm sát mà cụ thể là Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú đã phê chuẩn các quyết định và lệnh nêu trên. Tuy nhiên, sau đó, chính Viện Kiểm sát

nhân dân huyện Đồng Phú đã có quyết định xác định anh Thương không thực hiện hành vi phạm tội bằng quyết định đình chỉ vụ án. Do vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú là cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự cho anh Thương theo khoản 2 Điều 31, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Ví dụ thứ hai: Ngày 21-6-2011, từ một lá đơn nặc danh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với ông Điền. Ngày 22-6-2011, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, lệnh bắt tạm giam đối với ông Điền về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ông Điền trở thành bị can 473 ngày, trong đó bị tạm giam 240 ngày. Sau đó, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Công an tỉnh nên ngày 17-11-2011, vụ án được chuyển lên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk. Quá trình điều tra, Công an tỉnh Đắk Lắk xác định ông Điền có hành vi gian dối lập không báo cáo tài chính thể hiện công ty làm ăn có lãi để được vay vốn nhưng không có ý định chiếm đoạt tài sản, hành vi của ông Điền không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vụ án sau đó được đình chỉ điều tra. Ở đây, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường vì đã phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, lệnh bắt tạm giam đối với ông Điền. Đây là trường hợp Viện Kiểm sát có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự theo khoản 2 Điều 31, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nêu trên.

Đối với trường hợp bồi thường thiệt hại do ra lệnh tạm giam. Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân và Viện Kiểm sát quân sự các cấp có quyền ra lệnh tạm giam theo quy định tại Điều 119 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015). Nếu Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân và Viện Kiểm sát quân sự các cấp ra lệnh tạm giam mà sau đó có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội thì Viện Kiểm sát phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại là phù hợp. Chính vì vậy, theo khoản 2 Điều 31, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Viện Kiểm sát có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp “đã ra lệnh tạm giam mà sau đó có quyết định của cơ quan có thẩm quyền

trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội”.

Ví dụ: Ngày 2-5-1988, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vị Thanh (cũ) nay là Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang khởi tố bị can, bắt tạm giam ông Trung về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Ngày 24-7-1988, Viện Kiểm sát ra lệnh tạm tha, cho ông Trung được tại ngoại để điều tra. Cho đến ngày 19-4-2011, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang có Quyết định số 15/QĐ-KSĐT xác định ông Trung bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vị Thanh cụ trước đây khởi tố, bắt giam là oan sai. Sau khi nhận được quyết định nêu trên, ông Trung khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh yêu cầu Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Vị Thanh bồi thường. Tại Bản án dân sự sơ thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố Vị Thanh đã quyết định: “Buộc Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang có trách nhiệm bồi thường thiệt hại”. Khi giải quyết tranh chấp theo thủ tục phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã xét rằng: “Theo Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước thì ông Trung khởi kiện yêu cầu Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Vị Thanh bồi thường là có tội.

Ở đây, ông Trung đã bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vị Thanh (nay là Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Vị Thanh) khởi tố và bị bắt tạm giam, sau đó; được thay đổi biện pháp ngăn chặn (tạm tha) để điều tra nhưng có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định ông Trung không thực hiện hành vi phạm tội (Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang quyết định xác định ông Trung bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vị Thanh cụ trước đây khởi tố, bắt giam oan sai). Đây là trường hợp Viện Kiểm sát phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự theo khoản 2 Điều 31, Luật trách nhiệm bồi thường của nước vì “đã ra lệnh tạm giam mà sau đó có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không thực hiện hành vi phạm tội”.

Bồi thường thiệt hại trong trường hợp lỗi gây thiệt hại do Tòa án trả hồ sơ. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, tức sau khi có quyết định truy tố (cáo trạng) của Viện Kiểm sát và Tòa án đã nhận hồ sơ cùng bản cáo trạng do Viện Kiểm sát chuyển đến, Tòa án xét thấy cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được, có căn cứ để

cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác, phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì Tòa án ra quyết định trả hồ sơ để yêu cầu Viện Kiểm sát điều tra bổ sung (Điều 232 và Điều 238, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015). Sau khi điều tra bổ sung, nếu có quyết định của cơ quan có thẩm quyền đình chỉ điều tra (có thể Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra hoặc Viện Kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án) vì người đó không thực hiện hành vi phạm tội thì Viện Kiểm sát phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Do đó, khoản 3 Điều 31 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định Viện Kiểm sát có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp “Toà án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng sau đó có quyết định của cơ quan có thẩm quyền đình chỉ điều tra vì người đó không thực hiện hành vi phạm tội”.

Ví dụ, năm 2001 em P đi học về thì phát hiện mẹ mình nằm chết trên nền nhà, đầu và mặt đầy máu. Khám nghiệm hiện trường, công an thu giữ được dấu vân tay ở học tử và kết quả giám định cho thấy dấu vân tay trùng khớp với ông Nhân (con bạn dì của chồng nạn nhân). Ngày 3-1-2002, ông Nhân bị bắt, khởi tố về tội giết người và cướp tài sản. Năm 2003, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã phải ba lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì chứng cứ buộc tội không chặt. Tháng 9-2006, ông Nhân được tại ngoại và một tháng sau, cơ quan điều tra ký quyết định đình chỉ điều tra bị can sau 1.346 ngày tạm giam với lý do hết thời hạn điều tra nhưng không đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, Ngày 1-9-2006, ông Nhân làm đơn yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường oan hơn 700 triệu đồng nhưng nhiều năm sau đó không ai trả lời đơn. Cuối năm 2012, ông gửi đơn khiếu nại đến Cục Bồi thường Nhà nước. Cục Bồi thường Nhà nước đã có Văn bản trả lời ông cho biết trường hợp của ông **Nhân được bồi thường oan trong hoạt động tố tụng hình sự.** Cục Bồi thường Nhà nước đã khẳng định Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan có trách nhiệm phải bồi thường.

Ở đây, trách nhiệm của Viện Kiểm sát phải bồi thường cho người bị thiệt hại chưa được đề cập cụ thể trong Nghị quyết số 388. Có lẽ Cục Bồi thường Nhà nước kết luận, xác định Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường là dựa vào Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Với hoàn cảnh tương tự trong vụ việc của ông Nhân xảy ra ở thời điểm hiện nay, chúng ta sẽ giải quyết theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà

nước và các Văn bản liên quan. Đây là trường hợp Viện Kiểm sát có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo khoản 3 Điều 31, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nêu trên.

Do ra Quyết định truy tố. Theo khoản 4 và 5 Điều 31 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Viện Kiểm sát có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp truy tố bị can nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên cáo không có tội vì không thực hiện hành vi phạm tội.

Để hiểu rõ, chúng ta cùng nghiên cứu vụ việc sau: Bà Hồng bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị truy tố. Khi xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị tuyên bà Hồng không phạm tội và khi xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên bản án sơ thẩm tuyên bà Hồng không phạm tội. Sau đó, bà Hồng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị bồi thường thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự. Khi giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Hồng theo thủ tục phúc thẩm, Tòa án đã xử giữ nguyên bản án sơ thẩm và quyết định: “Buộc Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng bồi thường cho bà Hồng”.

Trong trường hợp này, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng truy tố bà Hồng nhưng sau đó, Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng xét xử sơ thẩm tuyên bà Hồng không có tội vì không thực hiện hành vi phạm tội và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bà Hồng không có tội vì không thực hiện hành vi phạm tội, cho nên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phải bồi thường thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự cho bà Hồng trên cơ sở quy định tại khoản 5 Điều 31, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nêu trên.

Do khởi tố, phê chuẩn quyết định khởi tố không tạm giữ, tạm giam. Ngoài các trường hợp được đề cập trong Điều 31, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Thông tư liên tịch trong lĩnh vực tố tụng hình sự còn bổ sung thêm một số trường hợp Viện Kiểm sát phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự. Cụ thể, trường hợp Viện Kiểm sát đã phê chuẩn quyết định khởi tố bị can hoặc Viện Kiểm sát đã ra quyết định khởi tố bị can nhưng người đã bị khởi tố bị can không bị tạm giữ, tạm giam, sau đó có quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người

đó không thực hiện hành vi phạm tội và họ thuộc trường hợp được bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, thì cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại là Viện Kiểm sát đã phê chuẩn quyết định khởi tố bị can hoặc viện Kiểm sát đã ra quyết định khởi tố bị can điểm b khoản 2 Điều 4, Thông tư liên tịch trong lĩnh vực tổ tụng hình sự. Hướng dẫn bổ sung này là hợp lý, đã gán trách nhiệm của Viện Kiểm sát trong việc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can hoặc Viện Kiểm sát tự mình ra quyết định khởi tố bị can nhưng người đã bị khởi tố bị can không bị tạm giữ, tạm giam.

Thực ra, hướng xác định trên đã được vận dụng trong thực tiễn trước khi có Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Ví dụ, ngày 29-11-2004, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh ra quyết định khởi tố bị can Vinh, đồng thời ra lệnh cấm anh Vinh đi khỏi nơi cư trú (huyện Hương Khê) khi chưa có sự đồng ý của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát và Tòa án. Sau đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê đã ra quyết định truy tố anh Vinh. Tiếp đến, Tòa án nhân dân huyện Hương Khê xét xử sơ thẩm (Bản án số 06/2005/HS-ST, ngày 7-4-2005) và Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm (Bản án số 34/2005/HS-PT, ngày 20-5-2005) đã tuyên anh Vinh không phạm tội. Sau khi xét xử phúc thẩm, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê có đơn khiếu nại. Ngày 20-1-2006, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã kháng nghị giám đốc thẩm hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm nêu trên và tại Quyết định giám đốc thẩm số 14/HS-GĐT ngày 18-5-2006, Tòa Hình sự Tòa án nhân dân tối cao đã hủy bản án sơ thẩm và phúc thẩm để điều tra lại. Ngày 6-6-2007, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hương Khê đã ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án và đình chỉ điều tra bị can đối với anh Vinh. Sau đó, anh Vinh khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh bồi thường thiệt hại. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2008/DS-ST, ngày 30-12-2008, Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh quyết định: “Buộc Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê phải bồi thường thiệt hại cho anh Vinh”. Khi giải quyết tranh chấp theo thủ tục giám đốc thẩm, Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao đã kết luận: “Anh Vinh yêu cầu Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần và thiệt hại về vật chất là có căn cứ”.

Với hoàn cảnh tương tự trong vụ việc của anh Vinh xảy ra ở thời điểm hiện nay, chúng ta sẽ giải quyết theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các Văn bản liên quan, Đây là trường hợp mà Viện Kiểm sát phải có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự không thuộc sáu trường hợp được nêu trong Điều 31, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, nhưng thuộc trường hợp mà Thông tư liên tịch trong lĩnh vực tố tụng hình sự bổ sung như đã nêu ở trên vì Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh đã phê chuẩn quyết định khởi tố bị can Vinh nhưng sau đó có quyết định của cơ quan sơ thẩm tuyên trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người không thực hiện hành vi phạm tội (Quyết định đình chỉ điều tra vụ án và đình chỉ điều tra bị can của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh),

Do phê chuẩn quyết định khởi tố và tạm giam, vẫn theo Thông tư: liên tịch trong lĩnh vực tố tụng hình sự nêu trên, trường hợp Viện Kiểm sát đã phê chuẩn quyết định khởi tố bị can nhưng người đã bị khởi tố bị can không bị tạm giữ, tạm giam ở giai đoạn điều tra, truy tố; sau khi chuyển hồ sơ cho Tòa án để xét xử thì Tòa án đã quyết định áp dụng biện pháp tạm giam; sau đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tuyên bị cáo không phạm tội hoặc Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng sau đó bị can được đình chỉ điều tra vì không thực hiện hành vi phạm tội và người đó thuộc trường hợp được bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, thì Viện Kiểm sát đã phê chuẩn quyết định khởi tố bị can có trách nhiệm bồi thường thiệt hại (điểm c khoản 2 Điều 4).

TTBD ĐBDC